

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 3 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Trung L, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nh, thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Võ Trung L chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Chị Nh xác định không thể chung sống cùng anh L nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung gồm: Võ Tuấn A, sinh ngày 21/12/2013 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2016. Tuấn A đang đi học ở Thành phố Hồ Chí Minh không rõ

địa chỉ, mọi chi phí cho Tuấn A do anh L chu cấp; Đối với Ngọc H đang sống cùng chị Nh. Khi ly hôn chị Nh yêu cầu giao Tuấn A cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nh tiếp tục nuôi Ngọc H, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Võ Trung L:* Mặc dù đã được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị Nh nhưng anh L không có ý kiến gì, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Võ Trung L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nh thấy rằng: Chị Nh và anh L chung sống năm 2012, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh L không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Nh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị Nh yêu cầu ly hôn với anh L mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nh thấy rằng: Cháu Ngọc H do chị Nh đang nuôi dưỡng; đối với Võ Tuấn A từ khi chị Nh và anh L ly thân đến nay do anh L nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án phải xem xét nguyện vọng của Tuấn A nhưng do cháu đang theo học ở Thành phố Hồ Chí Minh không rõ địa chỉ nên Tòa án không xem xét được nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên qua yêu cầu của chị Nh thì để ổn định việc học tập cũng như môi trường sống, sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của Tuấn A và Ngọc H; anh L không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của chị Nh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Tuấn A cho anh L, giao Ngọc H cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nh và anh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Nh xác định không có, anh L không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nh phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Võ Trung L.

2. Về con chung: Giao Võ Tuấn A, sinh ngày 21/12/2013 cho anh Võ Trung L, giao Nguyễn Thị Ngọc H cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị Nh và anh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nh phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011809 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị Nh đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai

